HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC HÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2008/NQ-HĐND	*Bắc Hà, ngày 26 tháng 12 năm 2008*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2009

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND - UBND ban hành ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ về việc ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn ngân sách địa phương;

Xét báo cáo số 292/BC-UBND ngày 23/12/2008 của UBND huyện, về việc đánh giá kết quả thu, chi ngân sách năm 2008; nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2009. Sau khi xem xét báo cáo thuyết trình, thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu tham dự kỳ họp. Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà khóa VIII, kỳ họp thứ 12 nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2009, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách huyện, xã: 114.760 triệu đồng. Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách địa phương: 111.660 triệu đồng (trong đó thu cân đối ngân sách trên địa bàn 7.566 triệu đồng);

- Thu hạch toán qua ngân sách huyện: 3.100 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách huyện, xã: 114.760 triệu đồng. Trong đó:

- Các khoản chi cấn đối qua ngân sách: 111.660 triệu đồng (chi thường xuyên 107.508 triệu đồng; chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 3.000 triệu đồng).

- Chi quản lý qua ngân sách: 3.100 triệu đồng.

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách xã, thị trấn: Tổng số 18.610,9 triệu đồng.

4. Dự toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các chương trình mục tiêu: 66.606 triệu đồng.

(Có phụ biểu số 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà giao cho:

- UBND huyện Bắc Hà tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện đảm bảo đúng các quy định quản lý tài chính theo Luật Ngân sách hiện hành.

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND huyện theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND huyện Bắc Hà khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 26/12/2008./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Bùi Quốc Cân

Phụ biểu 01

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009 - HUYỆN BẮC HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 26/12/2008 của HĐND huyện Bắc Hà)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO	GHI CHÚ
I	**TỔNG THU NS TRÊN ĐỊA BÀN**	**10,450**	**10,666**	
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**7,350**	**7,566**	
1	**Thu từ doanh nghiệp trung ương**	**0**	**0**	
2	**Thu từ doanh nghiệp địa phương**	**0**	**0**	
3	**Thu từ khu vực CTN-NQD**	**2,600**	**2,816**	
	- Thuế VAT	2,280	2,496	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50	50	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	
	- Thuế môn bài	155	155	
	- Thuế tài nguyên	105	105	
	- Thu khác	10	10	
a	**Thu từ cá thể, hộ gia đình**	**500**	**500**	
	- Thuế VAT	360	360	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	- Thuế môn bài	120	120	
	- Thuế tài nguyên	15	15	
	- Thu khác	5	5	
b	**Thu từ các doanh nghiệp**	**2,100**	**2,316**	

	- Thuế VAT	1,920	2,136	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50	50	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	- Thuế môn bài	35	35	
	- Thuế tài nguyên	90	90	
	- Thu khác	5	5	
4	**Lệ phí trước bạ nhà đất**	**600**	**600**	
	Trong đó: Trước bạ xe máy			
5	**Thuế nhà đất**	**80**	**80**	
6	**Thu phí, lệ phí**	**550**	**550**	
	- Trung ương	15	15	
	- Tỉnh	20	20	
	Trong đó: Phí nước thải	20	20	
	- Huyện	415	415	
	Trong đó: Phí VSMT	150	150	
	- Xã, phường, thị trấn	100	100	
7	**Thu tiền sử dụng đất**	**3,000**	**3,000**	
8	**Tiền tho thuê đất**	**15**	**15**	
9	**Thuế chuyển quyền sử dụng đất**			
10	**Thu khác tại xã**	**40**	**40**	
11	**Thu khác ngân sách**	**435**	**435**	
	- Thu sự nghiệp			
	- Thu tiền phạt an toàn giao thông	160	160	
	- Thu tịch thu	20	20	
	- Thu khác	255	255	
12	**Thuế thu nhập cá nhân**	**30**	**30**	
B	**THU ĐÓNG GÓP**	**3,100**	**3,100**	
	- Học phí	300	300	
	- Viện phí	2,800	2,800	
II	**TỔNG THU NS HUYỆN**	**114,544**	**114,760**	
A	**THU CÂN ĐỐI NSĐP**	**111,444**	**111,660**	
1	**Các khoản thu 100%**	**1,000**	**1,000**	
2	**Các khoản thu theo tỷ lệ (%)**	**3,280**	**3,496**	
	- Giữa NS Trung ương và NSĐP	2,340	2,556	
	- Giữa NS tỉnh - huyện - xã	940	940	
3	**Thu để lại đầu tư theo NQQH**	**3,000**	**3,000**	
4	**Thu bổ sung từ NS tỉnh**	**104,164**	**104,164**	
	- Thu BS có tính chất XDCB	3,650	3,650	
	- Thu bổ sung thường xuyên	66,300	66,300	
	- Bổ sung cải cách tiền lương	34,214	34,214	
5	**Thu kết dư**			
6	**Chuyển nguồn**			

B	**THU HẠCH TOÁN QUA NS**	**3,100**	**3,100**	
III	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH**	**114,544**	**114,760**	
A	**CÁC KHOẢN CHI CÂN ĐỐI**	**111,444**	**111,660**	
	* Chi từ nguồn sử dụng đất	3,000	3,000	
	* Chi thường xuyên	107,011	107,580	
1	**Chi quản lý hành chính**	**19,662**	**20,161**	
1.1	**Chi quản lý nhà nước**	**12,853**	**13,352**	
	+ Khối huyện	4,254	4,753	
	+ Khối xã (NSX)	8,599	8,599	
2.2	**Kinh phí Đảng**	**2,042**	**2,042**	
	+ Khối xã (NSX)	2,042	2,042	
3.3	**Khối đoàn thể**	**4,767**	**4,767**	
	+ Khối huyện	1,364	1,270	
	+ Khối xã (NSX)	3,403	3,497	
2	**Chi sự nghiệp văn hóa, TD - TT**	**675**	**675**	
	+ Khối huyện	618	618	
	+ Khối xã (NSX)	57	57	
3	**SN phát thanh - truyền hình**	**648**	**648**	
	+ Khối huyện	550	550	
	+ Khối xã (NSX)	98	98	
4	**Sự nghiệp kinh tế**	**6,376**	**6,376**	
4.1	**Nông nghiệp, thủy lợi (trạm khuyến**	**363**	**363**	
4.2	**SN giao thông**	**595**	**595**	
a	Bảo dưỡng thường xuyên	595	595	
b	Kiến thiết thị chính			
4.3	**Chi xây dựng trụ sở xã**	**3,650**	**3,650**	
4.4	**SN kinh tế khác**	**1,768**	**1,768**	
5	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	**67,980**	**67,980**	
5.1	**SN giáo dục**	**67,234**	**67,234**	
5.2	**SN đào tạo**	**746**	**764**	
6	**Sự nghiệp y tế**	**9,185**	**9,185**	
7	**Chi đảm bảo xã hội**	**906**	**906**	
	+ Khối huyện	307	307	
	+ Khối xã (NSX)	599	599	
8	**Chi an ninh - quốc phòng**	**1,233**	**1,303**	
8.1	**An ninh**	**479**	**549**	
	+ Khối huyện	53	123	
	+ Khối xã (NSX)	426	426	
8.2	**Quốc phòng**	**754**	**754**	
	+ Khối huyện	131	131	
	+ Khối xã (NSX)	623	623	
9	**Chi khác**	**346**	**346**	

	+ Khối huyện	346	346	
10	**Chi dự phòng**	**1,433**	**1,080**	*Trong đó*
B	**CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**	**3,100**	**3,100**	
	- Học phí	300	300	
	- Viện phí	2,800	2,800	

Phụ biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của HĐND huyện Bắc Hà)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	TÊN XÃ	THU NGÂN SÁCH			CHI NGÂN SÁCH			
		TỔNG THU	THU CÂN ĐỐI NS	THU TRỢ CẤP NS	TỔNG CHI	THƯỜNG XUYÊN	CÓ TCXDCB	TĂNG LƯƠNG
1	2	3 = 4+5	4	5	6 = 7+8+9	7	8	9
1	Thị trấn Bắc Hà	878,425	492,600	385,825	878,425	735,762		142,663
2	Lùng Cải	714,351	2,000	712,351	714,351	581,879		132,472
3	Lùng Phình	848,683	18,000	830,683	848,683	518,780	200,000	129,903
4	Bản Già	1,003,712	2,000	1,001,712	1,003,712	532,769	350,000	120,943
5	Tả Van Chư	664,517	2,000	662,517	664,517	529,504		135,013
6	Tả Củ Tỷ	687,509	2,000	685,509	687,509	546,396		141,113
7	Hoàng Thu Phố	692,927	2,000	690,927	692,927	548,352		144,575
8	Bản Phố	737,333	2,000	735,333	737,333	583,140		154,193
9	Lầu Thí Ngài	1,128,269	2,000	1,126,269	1,128,269	547,828	450,000	130,441
10	Thải Giàng Phố	1,681,543	2,000	1,679,543	1,681,543	544,932	1,000,000	136,611
11	Na Hối	818,136	6,000	812,136	818,136	662,328		155,808
12	Tả Chải	704,924	6,000	698,924	704,924	559,472		145,452
13	Bản Liền	652,025	2,000	650,025	652,025	523,660		128,365
14	Cốc Ly	758,235	35,000	723,235	758,235	627,664		130,571
15	Nậm Mòn	1,132,756	2,000	1,130,756	1,132,756	635,436	350.000	147,320
16	Nậm Đét	684,724	2,000	682,724	684,724	549,704		135,020
17	Nậm Khánh	1,004,699	2,000	1,002,699	1,004,699	479,620	400,000	125,079
18	Bảo Nhai	1,389,336	59,500	1,329,836	1,389,336	736,600	500,000	152,736
19	Nậm Lúc	1,944,002	18,000	1,926,002	1,944,002	602,200	1,200,000	141,802
20	Cốc Lầu	781,431	9,000	772,431	781,431	634,300		147,131
21	Bản Cái	654,463	2,000	652,463	654,463	521,044		133,419
	Cộng	**19,562,000**	**951,100**	**18,610,900**	**19,562,000**	**12,201,370**	**4,450,000**	**2,910,630**

Phụ biểu 03

KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009 - HUYỆN BẮC HÀ

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ TỪ NSNN VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(*Kèm theo Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 26/12/2008 của HĐND huyện Bắc Hà)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KH vốn năm 2009	Đơn vị giao thực hiện
	TỔNG	**66,606**	
1	Dự toán chi sự nghiệp có tính chất đầu tư XDCB năm 2009	3,650	
2	Nguồn vốn: Ngân sách tập trung	4,630	
3	Nguồn vốn: Chương trình nước sạch và VSMTNT huyện Bắc Hà	1,744	
4	Nguồn vốn: Thực hiện Nghị quyết 37	12,240	
5	Nguồn vốn: Chương trình 135 giai đoạn II năm 2009	22,090	
6	Nguồn vốn: Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	1,002	
7	Nguồn vốn: Chương trình bố trí dân cư những nơi cần thiế	1,309	
8	Nguồn vốn: Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã	1,645	
9	Nguồn vốn: Hỗ trợ hạ tầng du lịch	6,000	
10	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục - Đào tạo	5,448	
11	Nguồn vốn: Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	42	
12	Dự toán chi sự nghiệp có tính chất đầu tư XDCB năm 2009	322	
13	Nguồn vốn: CT mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm	30	
14	Nguồn vốn: Chương trình phòng chống ma túy	80	
15	Nguồn thu tiền sử dụng đất	3,000	
16	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm	322	TT YT dự phòng
17	Chương trình mục tiêu giáo dục	1,685	
	Duy trì kết quả phổ cập giáo dục	412	Phòng GD
	Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi	1,113	Phòng GD
	Dự án dạy nghề cho lao động nông thôn và người tàn tật	160	P.LĐ TT dạy nghề
18	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống tội phạm	30	Công an huyện
19	Dự án xây dựng xã, phường không có tệ nạn ma túy	80	
20	CTMTQG vệ sinh an toàn thực phẩm	42	
21	Chương trình 135	1,215	

Phụ biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của HĐND huyện Bắc Hà)

TT	Tên công trình	Quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	T.gian K/C hoàn thành	DT,Q.toán được duyệt hoặc khái toán	L.kế KL G.trị HT đến 31/12/08	L.kế vốn đã T.toán đến hết năm 2008				KH vốn năm 2009	UBND huyện ủy quyền quản lý DA
							Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn sự nghiệp	Các nguồn vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12	13=6-(8-12)
	Tổng số										3,000	
I	Các công trình quyết toán				1,282	1,282	1,184	1,184				
1	Sửa chữa hội trường UBND	1 tầng	T.trấn Bắc Hà	2004	722	722	714	714				Phòng QLĐT
2	Điều chỉnh, lập KH SDĐ 2006-2010		Các xã	2007	560	560	470	470				Phòng TN&MT
II	Công trình chi tiếp chờ quyết toán				25,684	15,848	10,571	10,571				
1	Trụ sở UBND xã Nậm Khánh	CIV, 2 tầng	Xã N.Khánh	2006-2007	1,447	1,400	1,200	1,200				UBND xã NK
2	Hồ bến xe		T.trấn Bắc Hà	2003	432	432	400	400				Phòng QLĐT
3	Đường vật tư - Na Hối	Rải nhựa 2km	T.trấn Bắc Hà	2006-2007	3,155	2,739	1,650	1,650				BQLDA XDCB
4	Trụ sở UBND thị trấn	CIV, 2 tầng	T.trấn Bắc Hà	2007-2008	3,263	1,844	1,194	1,194				BQLDA XDCB
5	Khu dân cư số 2	7,82 ha	T.trấn Bắc Hà	2006-2008	13,108	7,657	5,030	5,030				BQLDA XDCB
6	Đường tái định cư hạ lưu hồ Na Cồ	L=350m	T.trấn	2006-2008	1,332	1,118	897	897				BQLDA XDCB
7	Đường TĐC quanh chợ Bắc		T.trấn		2,970	1,540	950	950				BQLDA XDCB

	Hà											
8	Đường khách sạn Sao Mai - Na Hối		T.trấn	2004	1,006	850	750	750				UBND T.trấnPhòng QLĐT
9	Đường vật tư vào chợ	Đổ BT 200m	T.trấn Bắc Hà	2007-2008	850	100	100	100				
III	**Công trình khởi công mới**											
1	Bếp ăn Trường Chính trị											BQLDA XDCB
2	Di chuyển đường điện T2-chợ											BQLDA XDCB
IV	**CBĐT năm 2008**											
1	Đường THCS đi trường cấp 3 số 1											BQLDA XDCB
2	Trụ sở xã Tả Van Chư											UBND xã
3	Đường sau bến xe khách - đi chợ											BQLDA XDCB
4	Đường chợ - đi đập tràn - đi đường tránh											BQLDA XDCB
5	Trụ sở Bảo vệ thực vật											BQLDA XDCB
6	Trụ sở xã Bản Phố											UBND xã
V	**Trả nợ ngân sách**											

Ghi chú: Phân bổ chi tiết vốn cho từng công trình UBND huyện báo cáo thường trực HĐND số phân bổ chi tiết cụ thể sau.